TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 709/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 27/08/2019
V/v :"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Nguyên Khánh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú *tham gia phiên toà:*

Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 08 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1113/2018/TLHNGĐ-ST, ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST ngày 02 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-HPT ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần N B – sinh năm 1966

Địa chỉ: 151 PTH, phường PTH, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị N – sinh năm 1974

Địa chỉ: 151 PTH, phường PTH, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần N B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị N tự nguyện chung sống vào năm 1997, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/1997 ngày 05/4/1997 của Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Bà N không chăm lo làm ăn mà còn vay tiền lãi cao nên vợ chồng gây gổ, ông đã nhiều lần khuyên can nhưng bà N

không có thay đổi nên hai bên ly thân khoảng tháng 09/2018 cho đến nay. Hai bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Bảo Châu, sinh ngày 31/10/1997, Trần Bảo Lê, sinh ngày 20/7/2000. Do con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B khai không có

Ông B có đơn đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của ông và xét xử vắng mặt ông.

Bị đơn bà Huỳnh Thị N đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 27/1997, quyển số 01, số 27/1997 ngày 05/04/1997 do của Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình (nay là phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trần N B và bà Huỳnh Thị N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông B yêu cầu ly hôn, bà N có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt:

- Ông B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà N vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông B, bà N theo qui định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các lời khai của đương sự và biên bản xác minh tại địa phương, thể hiện mâu thuẫn giữa ông B và bà N là có thật, hai bên đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác, bà N không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B

*Về quan hệ con chung: hai con chung tên Trần Bảo Châu, sinh ngày 31/10/1997, Trần Bảo Lê, sinh ngày 20/7/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

* Về tài sản chung và nợ chung: ông B khai không có. Nếu sau này bà N có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí : Theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Ông Trần N B phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo biên lai thu số 0012068 ngày 20/11/2018 của chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia Đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần N B được ly hôn với bà Huỳnh Thị N .

Giấy chứng nhận nhận kết hôn số 27/1997, quyển số 01, số 27/1997 ngày 05/04/1997 do của Ủy ban nhân dân Phường 18, quận Tân Bình (nay là phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần N B và bà Huỳnh Thị N không còn giá trị kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- ***Về quan hệ con chung***: hai con chung tên Trần Bảo Châu, sinh ngày 31/10/1997 và Trần Bảo Lê, sinh ngày 20/7/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** ông B khai không có. Nếu sau này bà N có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: ông Trần N B phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông B đã nộp theo biên lai thu số 0012068 ngày 20/11/2018 tại chi cục thi hành án dân sự Quận Tân Phú.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND Q. Tân Phú
- Chi cục thi hành án dân sự Q. Tân Phú
- Đương sự
- UBND Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú , TP.HCM
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Kim Cương